

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-01-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mật;

Ông Hoàng Minh Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Lương Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: chị Triệu Mai V, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở trước khi biệt tích: thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lương Văn T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Triệu Mai V chung sống với nhau từ năm 2006, mãi đến ngày 13/10/2009 hai anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống được khoảng hơn 05 năm, đến đầu năm 2014 thì chị Triệu Mai V lấy lý do đi làm ăn rồi bỏ đi đến nay

không rõ tin tức, khi đi chị Triệu Mai V không nói gì với chồng con và gia đình, anh cũng đã tìm kiếm nhưng không có tin tức, năm 2024 anh đã làm đơn yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị Triệu Mai V và được Tòa án nhân dân huyện C chấp nhận yêu cầu tuyên bố chị Triệu Mai V mất tích theo quyết định số 02/2024/QĐST-VDS ngày 29/8/2024 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích. Từ khi yêu cầu tuyên bố mất tích đến nay cũng không nhận được tin tức gì của chị Triệu Mai Vương . Cảm thấy không thể tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân như vậy nữa, do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị Triệu Mai Vương .

Về con chung: anh và chị Triệu Mai V có 02 con chung là cháu Lương Thị Như K, sinh ngày 26/11/2009 và Lương Minh K1, sinh ngày 26/11/2011. Từ khi chị Triệu Mai V bỏ đi, 02 con đều ở cùng với anh và do anh chăm sóc. Do vậy, khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị Triệu Mai V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Triệu Mai V đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng triệu tập chị Triệu Mai Vương .

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn T, cho anh Lương Văn T được ly hôn với chị Triệu Mai Vương .

Về con chung: căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao cháu Lương Thị Như K, sinh ngày 26/11/2009 và Lương Minh K1, sinh ngày 26/11/2011 cho anh Lương Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Triệu Mai V không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: không có.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Lương Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tài liệu do nguyên đơn anh Lương Văn T cung cấp gồm: đơn khởi kiện; căn cước công dân của anh Lương Văn T; giấy chứng nhận kết hôn Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp (bản sao); giấy khai sinh của cháu Lương Thị Như K, cháu Lương Minh K1 (bản sao); Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2024/QĐST-VDS ngày 29/8/2024 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích của Tòa án nhân dân huyện C; bản tự khai của anh Lương Văn T.

Tài liệu do Tòa án thu thập được: biên bản lấy lời khai của cháu Lương Thị Như K và cháu Lương Minh K1.

Bị đơn chị Triệu Mai V không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên bị đơn chị Triệu Mai V vắng mặt, nguyên đơn anh Lương Văn T yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn chị Triệu Mai V đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Lương Văn T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn chị Triệu Mai V có nơi sinh sống, đăng ký thường trú và nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích tại thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Lương Văn T và chị Triệu Mai V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên từ đầu năm 2014 chị Triệu Mai V đã bỏ đi đến nay không rõ tin tức, anh Lương Văn T đã yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị Triệu Mai V và được Tòa án nhân dân huyện C chấp nhận yêu cầu tuyên bố chị Triệu Mai V mất tích theo quyết định số 02/2024/QĐST-VDS ngày 29/8/2024 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích của Tòa án nhân dân huyện C. Từ khi yêu cầu tuyên bố mất tích đến nay cũng không nhận được tin tức gì của chị Triệu Mai V. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh Lương Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: anh Lương Văn T và chị Triệu Mai V có 02 con chung là cháu Lương Thị Như K, sinh ngày 26/11/2009 và Lương Minh K1, sinh ngày 26/11/2011. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Văn T khai nhận từ khi chị Triệu Mai V bỏ đi, anh Lương Văn T vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Thị Như K và Lương Minh K1. Để cháu Lương Thị Như K và Lương Minh K1 ổn định cuộc sống thì khi ly hôn, anh Lương Văn T sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu là phù hợp với thực tế, phù hợp với các quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như nguyện vọng của các cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: anh Lương Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: anh Lương Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: nguyên đơn anh Lương Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án do là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí.

[8] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án và án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 2 Điều 56; các Điều 19, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Văn T. Xử cho anh Lương Văn T được ly hôn với chị Triệu Mai Vương .

2. Về con chung: giao cháu Lương Thị Như K, sinh ngày 26/11/2009 và Lương Minh K1, sinh ngày 26/11/2011 cho anh Lương Văn T trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu Lương Thị Như K và Lương Minh K1 đủ 18 tuổi. Chị Triệu Mai V không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: anh Lương Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn anh Lương Văn T có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Triệu Mai V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Bằng Hữu, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trương Thị Hương Giang